

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải năm 2026

Vùng biển: Vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 và Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam tại văn bản số 603/ĐĐN-XNKSBĐATHHMN ngày 03/6/2026 về việc công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải năm 2026 và căn cứ kết quả phối hợp kiểm tra thực địa, đánh giá thông số kỹ thuật đo đạc độ sâu luồng hàng hải ngày 13/6/2026;

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về thông số kỹ thuật của Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải năm 2026 như sau:

Trong phạm vi biên luồng hàng hải theo thiết kế, được hướng dẫn bởi hệ thống Phao báo hiệu hàng hải (Phao), độ sâu bằng mét được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Luồng hàng hải từ Phao “0” đến Phao “GR” (đoạn Phân luồng hàng hải)

1.1. Tuyến chạy tàu một chiều bên phải Tuyến nước sâu, bề rộng 170 m:

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn bên phải, bắt đầu từ Phao số “1” - 100 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 260 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 10,4 m.

+ Dải cạn bên phải, bắt đầu từ Phao số “5” - 660 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 805 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 150 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 9,1 m.

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,8	10°17'29,7"N	107°04'46,9"E	10°17'26,1"N	107°04'53,3"E
10,5	10°17'29,3"N	107°04'46,2"E	10°17'25,7"N	107°04'52,6"E
10,9	10°17'30,8"N	107°04'43,7"E	10°17'27,1"N	107°04'50,1"E
10,8	10°17'33,5"N	107°04'43,3"E	10°17'29,9"N	107°04'49,7"E
9,3	10°19'27,5"N	107°03'31,7"E	10°19'23,9"N	107°03'38,1"E
8,3	10°19'35,44"N	107°3'26,09"E	10°19'31,76"N	107°3'32,51"E

- Ngoài các dải cạn nêu trên, độ sâu Tuyến chạy tàu đạt 11,0 m.

1.2. Tuyến chạy tàu một chiều bên trái Tuyến nước sâu, bề rộng 170 m:

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,6	10°17'37,6"N	107°04'18,3"E	10°17'34,0"N	107°04'24,8"E
10,4	10°17'43,5"N	107°04'14,1"E	10°17'39,8"N	107°04'20,5"E
10,4	10°17'44,1"N	107°04'14,7"E	10°17'40,4"N	107°04'21,1"E
10,7	10°19'42,3"N	107°02'57,1"E	10°19'38,7"N	107°03'03,7"E
10,8	10°23'57,7"N	107°01'53,5"E	10°23'54,0"N	107°01'59,9"E

- Ngoài các điểm cạn nêu trên, độ sâu Tuyến chạy tàu đạt 11,0 m.

1.3. Trong phạm vi Tuyến nước sâu, bề rộng 350 m:

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn bên phải của Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “1” - 970 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 250 m, chiều rộng lún luồng xa nhất khoảng 70 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 15,4 m.

+ Dải cạn bên phải của Tuyến nước sâu bắt đầu từ Phao số “1” - 930 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 1.600 m, chiều rộng lún luồng xa nhất khoảng 100 m và độ sâu phổ biến từ 14,3 m đến 15,4 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu số VTTV_052026_01_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

+ Dải cạn bên phải Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “1” + 1.040 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 115 m, chiều rộng lún luồng xa nhất khoảng 120 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,8 m nằm sát biên phải luồng.

+ Dải cạn bên trái Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “4” - 670 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 310 m, chiều rộng lún luồng xa nhất khoảng 60 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,1 m nằm sát biên trái luồng.

+ Dải cạn giữa Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “4” - 540 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 160 m, chiều rộng khoảng 120 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,9 m.

+ Dải cạn bên phải Tuyến nước sâu có chiều rộng lún luồng xa nhất khoảng 90 m (nằm gần Vạch ngăn cách giữa Tuyến nước sâu và Tuyến chạy tàu một chiều), bắt đầu từ Phao số “5” - 660 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 375m và độ sâu phổ biến từ 14,0 m đến 15,4 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu số VTTV_052026_02_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

+ Dải cạn trên Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “5” - 315 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 1.485 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 260 m và độ sâu phổ biến từ 14,2 m đến 15,4 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu số VTTV_052026_02_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

+ Dải cạn trên Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “6” - 320 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 75 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 165 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,5 m.

+ Dải cạn bên trái Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “6” - 100 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 470 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 120 m (nằm gần Vạch ngăn cách giữa Tuyến nước sâu và Tuyến chạy tàu một chiều), độ sâu nhỏ nhất 14,6 m nằm sát biên luồng.

+ Dải cạn bên phải Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “8” - 440 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 330 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 220 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,6 m (độ sâu tại tim luồng đạt 15,1 m).

+ Dải cạn giữa Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “7” + 560 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 190 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 194 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,3 m.

+ Dải cạn bên phải Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “7” + 800 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 260 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 90 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,2 m.

+ Dải cạn bên phải Tuyến nước sâu, bắt đầu từ Phao số “7” + 1.190 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 360 m, chiều rộng lớn nhất khoảng 140 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 14,8 m.

- Xuất hiện các điểm cạn nằm gần Vạch ngăn cách giữa Tuyến nước sâu và Tuyến chạy tàu một chiều bên phải Tuyến nước sâu, tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
14,1	10°17'18,02"N	107°4'50,93"E	10°17'14,35"N	107°4'57,34"E
14,0	10°17'20,13"N	107°4'49,61"E	10°17'16,45"N	107°4'56,02"E
12,3	10°17'25,92"N	107°4'45,74"E	10°17'22,25"N	107°4'52,16"E
14,0	10°17'28,31"N	107°4'43,94"E	10°17'24,63"N	107°4'50,35"E
13,3	10°17'30,27"N	107°4'42,85"E	10°17'26,60"N	107°4'49,27"E
13,9	10°17'32,41"N	107°4'41,30"E	10°17'28,73"N	107°4'47,71"E
13,9	10°17'34,29"N	107°4'40,21"E	10°17'30,62"N	107°4'46,62"E
13,3	10°17'34,90"N	107°4'39,92"E	10°17'31,23"N	107°4'46,34"E
13,7	10°19'46,33"N	107°3'13,08"E	10°19'42,66"N	107°3'19,50"E
13,7	10°19'53,07"N	107°3'9,51"E	10°19'49,39"N	107°3'15,92"E
12,3	10°17'25,92"N	107°4'45,74"E	10°17'22,25"N	107°4'52,16"E
13,3	10°17'30,27"N	107°4'42,85"E	10°17'26,60"N	107°4'49,27"E
13,3	10°17'34,90"N	107°4'39,92"E	10°17'31,23"N	107°4'46,34"E
12,7	10°19'34,64"N	107°3'20,42"E	10°19'30,97"N	107°3'26,84"E
12,3	10°19'35,03"N	107°3'20,14"E	10°19'31,36"N	107°3'26,56"E
13,8	10°19'38,32"N	107°3'18,01"E	10°19'34,65"N	107°3'24,42"E
12,6	10°19'43,11"N	107°3'15,43"E	10°19'39,43"N	107°3'21,85"E
12,5	10°19'45,84"N	107°3'14,53"E	10°19'42,16"N	107°3'20,94"E
13,3	10°19'46,64"N	107°3'13,84"E	10°19'42,96"N	107°3'20,26"E
11,2	10°19'47,73"N	107°3'13,55"E	10°19'44,05"N	107°3'19,97"E
12,2	10°19'49,46"N	107°3'13,73"E	10°19'45,78"N	107°3'20,15"E
13,3	10°19'49,10"N	107°3'12,99"E	10°19'45,42"N	107°3'19,41"E
13,0	10°19'51,12"N	107°3'12,00"E	10°19'47,45"N	107°3'18,42"E
13,3	10°19'53,59"N	107°3'11,06"E	10°19'49,92"N	107°3'17,48"E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,7	10°19'55,15"N	107°3'10,27"E	10°19'51,48"N	107°3'16,69"E
13,8	10°19'56,89"N	107°3'9,48"E	10°19'53,21"N	107°3'15,89"E
13,8	10°19'59,59"N	107°3'8,74"E	10°19'55,91"N	107°3'15,16"E

- Xuất hiện điểm cạn nằm gần Vạch ngăn cách giữa Tuyến nước sâu và Tuyến chạy tàu một chiều bên trái Tuyến nước sâu, tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
14,1	10°18'17,99"N	107°3'57,95"E	10°18'14,32"N	107°4'4,36"E

- Xuất hiện các điểm cạn cục bộ nằm rải rác trên Tuyến nước sâu tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,4	10°17'08,5"N	107°04'49,4"E	10°17'04,8"N	107°04'55,8"E
15,4	10°17'09,0"N	107°04'50,1"E	10°17'05,3"N	107°04'56,5"E
15,4	10°17'11,4"N	107°04'49,4"E	10°17'07,7"N	107°04'55,8"E
15,4	10°17'55,0"N	107°04'13,4"E	10°17'51,3"N	107°04'19,8"E
15,2	10°18'19,1"N	107°04'00,9"E	10°18'15,5"N	107°04'07,3"E
14,3	10°18'18,02"N	107°4'3,97"E	10°18'14,34"N	107°4'10,39"E
13,9	10°18'21,29"N	107°4'4,90"E	10°18'17,61"N	107°4'11,31"E
15,1	10°19'38,33"N	107°3'15,65"E	10°19'34,66"N	107°3'22,07"E
15,4	10°19'37,87"N	107°3'14,97"E	10°19'34,20"N	107°3'21,38"E
14,5	10°19'40,64"N	107°3'6,26"E	10°19'36,97"N	107°3'12,68"E
14,8	10°19'40,85"N	107°3'6,74"E	10°19'37,18"N	107°3'13,16"E
14,5	10°19'42,17"N	107°3'8,79"E	10°19'38,50"N	107°3'15,20"E
14,9	10°19'41,78"N	107°3'8,13"E	10°19'38,10"N	107°3'14,54"E
14,7	10°19'59,26"N	107°3'7,13"E	10°19'55,59"N	107°3'13,55"E
14,7	10°20'4,24"N	107°3'6,40"E	10°20'0,57"N	107°3'12,82"E
14,7	10°20'6,42"N	107°3'5,57"E	10°20'2,74"N	107°3'11,98"E
14,8	10°20'6,27"N	107°3'4,75"E	10°20'2,60"N	107°3'11,17"E
14,9	10°20'6,12"N	107°3'3,94"E	10°20'2,45"N	107°3'10,36"E
14,7	10°20'8,52"N	107°3'5,65"E	10°20'4,84"N	107°3'12,07"E
14,7	10°20'14,78"N	107°2'59,36"E	10°20'11,11"N	107°3'5,78"E
14,3	10°19'52,41"N	107°3'8,00"E	10°19'48,74"N	107°3'14,42"E
14,0	10°19'52,76"N	107°3'8,74"E	10°19'49,09"N	107°3'15,16"E
13,7	10°19'53,07"N	107°3'9,51"E	10°19'49,39"N	107°3'15,92"E

14,9	10°19'53,96"N	107°3'7,21"E	10°19'50,29"N	107°3'13,63"E
14,9	10°19'56,40"N	107°3'7,91"E	10°19'52,73"N	107°3'14,33"E
14,9	10°19'58,42"N	107°3'7,07"E	10°19'54,75"N	107°3'13,49"E
14,7	10°19'59,26"N	107°3'7,13"E	10°19'55,59"N	107°3'13,55"E
14,7	10°20'1,32"N	107°3'5,91"E	10°19'57,65"N	107°3'12,33"E
14,7	10°20'4,24"N	107°3'6,40"E	10°20'0,57"N	107°3'12,82"E
14,7	10°20'6,42"N	107°3'5,57"E	10°20'2,74"N	107°3'11,98"E
14,8	10°20'6,27"N	107°3'4,75"E	10°20'2,60"N	107°3'11,17"E
14,9	10°20'6,12"N	107°3'3,94"E	10°20'2,45"N	107°3'10,36"E
14,6	10°20'9,41"N	107°2'58,08"E	10°20'5,74"N	107°3'4,49"E
14,6	10°20'14,17"N	107°2'56,98"E	10°20'10,49"N	107°3'3,40"E
14,4	10°20'14,36"N	107°2'57,77"E	10°20'10,69"N	107°3'4,19"E
14,6	10°20'14,56"N	107°2'58,57"E	10°20'10,89"N	107°3'4,99"E
14,6	10°20'16,69"N	107°2'56,12"E	10°20'13,01"N	107°3'2,53"E
14,5	10°20'16,88"N	107°2'56,91"E	10°20'13,21"N	107°3'3,33"E
14,6	10°20'17,05"N	107°2'57,71"E	10°20'13,38"N	107°3'4,13"E
15,4	10°17'08,5"N	107°04'49,4" E	10°17'04,8" N	107°04'55,8"E
15,4	10°17'09,0"N	107°04'50,1"E	10°17'05,3"N	107°04'56,5"E
15,4	10°17'11,4"N	107°04'49,4" E	10°17'07,7"N	107°04'55,8"E
15,4	10°17'55,0"N	107°04'13,4" E	10°17'51,3"N	107°04'19,8"E
15,2	10°18'19,1"N	107°04'00,9"E	10°18'15,5"N	107°04'07,3"E
15,1	10°18'24,3"N	107°04'04,8"E	10°18'20,6"N	107°04'11,2"E
15,3	10°18'24,7"N	107°04'05,5"E	10°18'21,1"N	107°04'11,9"E
14,2	10°18'24,6"N	107°04'07,0"E	10°18'20,9"N	107°04'13,4"E
14,8	10°19'05,0"N	107°03'28,0"E	10°19'01,3"N	107°03'34,4"E
14,4	10°19'05,5"N	107°03'28,8"E	10°19'01,8"N	107°03'35,3"E
15,4	10°19'09,3"N	107°03'35,1"E	10°19'05,6"N	107°03'41,5"E
15,1	10°19'50,1"N	107°03'02,8"E	10°19'46,4"N	107°03'09,2"E
14,8	10°19'50,3"N	107°03'03,2"E	10°19'46,6"N	107°03'09,7"E
15,3	10°19'50,5"N	107°03'03,8"E	10°19'46,8"N	107°03'10,2"E
15,4	10°20'27,4"N	107°02'48,8"E	10°20'23,7" N	107°02'55,2"E
15,2	10°21'43,6"N	107°02'42,6"E	10°21'40,0"N	107°02'49,0"E
15,3	10°21'43,9"N	107°02'44,3" E	10°21'40,2"N	107°02'50,7"E
15,3	10°21'53,6"N	107°02'31,1"E	10°21'49,9"N	107°02'37,6"E
14,9	10°21'58,3"N	107°02'30,9"E	10°21'54,6"N	107°02'37,3"E
15,2	10°21'58,5"N	107°02'31,7"E	10°21'54,8"N	107°02'38,1"E

15,0	10°21'59,1"N	107°02'34,1"E	10°21'55,4"N	107°02'40,5"E
15,3	10°22'11,1"N	107°02'31,4"E	10°22'07,4"N	107°02'37,8"E
15,3	10°26'05,2"N	107°00'41,7"E	10°26'01,6"N	107°00'48,1"E
15,4	10°26'21,0"N	107°00'30,0"E	10°26'17,3"N	107°00'36,4"E
15,3	10°26'30,5"N	107°00'14,6"E	10°26'26,8"N	107°00'21,0"E
15,3	10°27'58,9"N	106°59'32,2"E	10°27'55,2"N	106°59'38,7"E
15,2	10°30'33,3"N	106°59'47,5"E	10°30'29,6"N	106°59'53,9"E

- Ngoài các dải cạn và điểm cạn nêu trên, độ sâu Tuyên nước sâu đạt 15,5 m.

2. Đoạn luồng từ Phao “GR” đến hết Vũng quay tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải, bề rộng đáy luồng 350 m

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ Phao “GR” - 145 m đến Phao số “18” + 675 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 7,0 km, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 250 m, có độ sâu phổ biến từ 14,0 m đến 15,4 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu từ VTTV_052026_05_13 đến VTTV_052026_07_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

+ Dải cạn bên phải luồng, bắt đầu từ Phao số “13” + 290 m đến Phao số “15” + 285 m, chiều dài khoảng 2,5 km, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 160 m, có độ sâu phổ biến từ 14,1 m đến 15,4 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu VTTV_052026_06_13*).

+ Dải cạn bên phải luồng, bắt đầu từ Phao số “15” + 285 m đến Phao số “19” + 720 m, chiều dài khoảng 3,9 km, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 195 m, có độ sâu phổ biến từ 13,6 m đến 15,4 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu từ VTTV_052026_06_13 đến VTTV_052026_08_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
15,3	10°26'05,2"N	107°00'41,7"E	10°26'01,6"N	107°00'48,1"E
15,4	10°26'21,0"N	107°00'30,0"E	10°26'17,3"N	107°00'36,4"E
15,3	10°26'30,5"N	107°00'14,6"E	10°26'26,8"N	107°00'21,0"E
15,3	10°27'58,9"N	106°59'32,2"E	10°27'55,2"N	106°59'38,7"E
15,2	10°30'33,3"N	106°59'47,5"E	10°30'29,6"N	106°59'53,9"E
11,9	10°27'28,21"N	106°59'45,90"E	10°27'24,53"N	106°59'52,32"E
11,9	10°27'32,93"N	106°59'44,41"E	10°27'29,25"N	106°59'50,83"E
12,2	10°27'4,48"N	106°59'37,46"E	10°27'0,81"N	106°59'43,88"E
12,9	10°27'2,74"N	106°59'39,08"E	10°26'59,06"N	106°59'45,50"E
12,6	10°27'6,82"N	106°59'36,16"E	10°27'3,15"N	106°59'42,58"E

12,8	10°27'9,08"N	106°59'35,46"E	10°27'5,41"N	106°59'41,88"E
12,8	10°27'23,22"N	106°59'30,13"E	10°27'19,55"N	106°59'36,56"E

- Trong phạm vi Vững quay tàu (VQ1) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 700 m (tại vị trí khu vực ngã ba sông Thêu - sông Cái Mép), độ sâu đạt 15,5 m.

- Trong phạm vi Vững quay tàu (VQ2) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 600 m (tại vị trí khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải), độ sâu đạt 15,5 m.

- Ngoài các dải cạn và điểm cạn nêu trên, độ sâu đoạn luồng đạt 15,5 m.

3. Đoạn luồng từ Vững quay tàu tại ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải đến hết Vững quay tàu phía hạ lưu Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son, chiều dài 3,2 km và bề rộng đáy luồng 250 ÷ 310 m

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn bên trái luồng kéo dài khoảng 280 m, bắt đầu từ phao số “26” - 400 m, có chiều rộng khoảng 70 m, độ sâu nhỏ nhất 13,8 m (*chi tiết dải cạn tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu VTTV_052026_09_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,9	10°31'41,6"N	107°00'48,9"E	10°31'37,9"N	107°00'55,3"E
13,5	10°31'51,3"N	107°01'00,1"E	10°31'47,6"N	107°01'06,5"E
13,6	10°31'50,8"N	107°01'00,6"E	10°31'47,1"N	107°01'07,0"E
13,9	10°31'50,2"N	107°01'01,1"E	10°31'46,5"N	107°01'07,5"E
13,8	10°31'55,7"N	107°01'06,1"E	10°31'52,0"N	107°01'12,5"E
13,7	10°31'59,0"N	107°01'09,7"E	10°31'55,4"N	107°01'16,1"E
13,8	10°32'01,5"N	107°01'10,9"E	10°31'57,8"N	107°01'17,3"E
13,9	10°31'59,0"N	107°01'13,1"E	10°31'55,3"N	107°01'19,5"E
13,9	10°32'01,6"N	107°01'14,0"E	10°31'57,9"N	107°01'20,5"E
13,8	10°32'03,0"N	107°01'16,1"E	10°31'59,3"N	107°01'22,6"E
13,8	10°32'08,5"N	107°01'19,0"E	10°32'04,9"N	107°01'25,4"E
13,9	10°32'09,5"N	107°01'20,2"E	10°32'05,8"N	107°01'26,6"E
13,6	10°32'43,3"N	107°01'10,6"E	10°32'39,6"N	107°01'17,1"E
13,3	10°32'19,89"N	107°1'24,92"E	10°32'16,22"N	107°1'31,35"E
13,1	10°32'23,34"N	107°1'25,65"E	10°32'19,66"N	107°1'32,07"E
13,9	10°32'23,21"N	107°1'26,36"E	10°32'19,54"N	107°1'32,79"E

- Trong phạm vi Vững quay tàu (VQ3) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 500 m (tại hạ lưu khu nước phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu nhỏ nhất đạt 13,8 m.

- Ngoài các điểm cạn và dải cạn nêu trên, độ sâu đoạn luồng đạt 14,0 m.

4. Đoạn luồng từ Vũng quay tàu phía hạ lưu Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Sơn đến thượng lưu Bến cảng tổng hợp Thị Vải, chiều dài 4,6 km và bề rộng luồng 283 ÷ 310 m

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ Phao số “34” - 510 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 230 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 40 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,4 m (nằm sát biên trái luồng).

+ Dải cạn bên phải luồng, bắt đầu từ Phao số “33” + 40 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 260 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 35 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 10,9 m (nằm sát biên phải luồng).

+ Dải cạn bên phải luồng, bắt đầu từ Phao số “35” + 160 m đến Phao số “37” + 250 m, chiều dài khoảng 1.360 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 100 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 9,0 m (nằm sát biên phải luồng).

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ Phao số “42” - 530 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 710 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 80 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,6 m.

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ Phao số “42” + 45 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 430 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 123 m, độ sâu đoạn luồng đạt 9,9 m (nằm sát biên trái luồng).

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,9	10°32'57,7"N	107°01'01,5"E	10°32'54,0"N	107°01'07,9"E
8,0	10°33'56,28"N	107°0'50,58"E	10°33'52,61"N	107°0'57,01"E
7,4	10°33'58,26"N	107°0'52,16"E	10°33'54,58"N	107°0'58,59"E
8,3	10°33'58,56"N	107°0'51,65"E	10°33'54,88"N	107°0'58,08"E
8,6	10°34'42,19"N	107°1'10,45"E	10°34'38,51"N	107°1'16,88"E
8,5	10°34'43,97"N	107°1'11,97"E	10°34'40,29"N	107°1'18,39"E

- Ngoài các dải cạn và điểm cạn nêu trên, độ sâu đoạn luồng đạt 12,0 m.

5. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải đến thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), chiều dài 2,8 km và bề rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ Phao số “44” - 140 m đến Phao số “48” - 155 m, chiều dài khoảng 1.150 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 150 m, độ sâu phổ biến từ 6,9 đến 9,8 m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu VTTV_052026_11_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

+ Dải cạn bên trái luồng, bắt đầu từ Phao số “48” + 830 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 715 m, chiều rộng lần luồng xa nhất khoảng 49 m, độ sâu phổ biến từ 7,8 đến 10,0m (*độ sâu nhỏ nhất tham khảo chi tiết tại Bình đồ độ sâu ký hiệu VTTV_052026_11_13 gửi kèm Thông báo hàng hải*).

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,1	10°34'57,0"N	107°01'27,9"E	10°34'53,4"N	107°01'34,3"E
11,2	10°35'38,2"N	107°01'22,5"E	10°35'34,6"N	107°01'28,9"E
11,8	10°35'41,9"N	107°01'18,3"E	10°35'38,3"N	107°01'24,7"E
11,7	10°35'42,2"N	107°01'19,0"E	10°35'38,6"N	107°01'25,5"E
3,2	10°34'49,26"N	107°1'16,34"E	10°34'45,59"N	107°1'22,76"E
4,9	10°35'7,32"N	107°1'24,44"E	10°35'3,65"N	107°1'30,86"E
7,2	10°36'0,22"N	107°1'5,41"E	10°35'56,55"N	107°1'11,84"E
6,4	10°36'2,38"N	107°1'4,35"E	10°35'58,71"N	107°1'10,77"E
5,8	10°36'4,54"N	107°1'3,26"E	10°36'0,86"N	107°1'9,68"E

- Ngoài các điểm cạn và dải cạn nêu trên, độ sâu nhỏ nhất của đoạn luồng đạt 12,0 m.

6. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến thượng lưu Bến cảng Phước An (giai đoạn 1), chiều dài 3,5 km và bề rộng đáy luồng 140 m ÷ 220 m.

- Xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,8	10°36'08,9"N	107°01'01,2"E	10°36'05,2"N	107°01'07,6"E
11,5	10°36'09,1"N	107°01'01,6"E	10°36'05,5"N	107°01'08,0"E
11,3	10°36'37,1"N	107°00'43,8"E	10°36'33,5"N	107°00'50,2"E
11,5	10°36'37,8"N	107°00'40,8"E	10°36'34,1"N	107°00'47,2"E
11,4	10°36'44,4"N	107°00'31,5"E	10°36'40,7"N	107°00'37,9"E
11,5	10°36'47,8"N	107°00'29,8"E	10°36'44,2"N	107°00'36,3"E
11,5	10°36'50,5"N	107°00'19,9"E	10°36'46,8"N	107°00'26,3"E
11,3	10°36'52,8"N	107°00'21,3"E	10°36'49,2"N	107°00'27,8"E
11,4	10°36'52,9"N	107°00'18,5"E	10°36'49,2"N	107°00'25,0"E
11,4	10°36'53,8"N	107°00'16,2"E	10°36'50,1"N	107°00'22,6"E
11,5	10°36'55,6"N	107°00'14,3"E	10°36'51,9"N	107°00'20,7"E
11,5	10°36'57,2"N	107°00'12,5"E	10°36'53,5"N	107°00'18,9"E
11,4	10°37'09,0"N	106°59'58,0"E	10°37'05,3"N	107°00'04,4"E

- Ngoài các điểm cạn nêu trên, độ sâu đoạn luồng đạt 11,6 m.

7. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Phước An đến hết Vũng quay tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái, chiều dài 6,1 km và bề rộng đáy luồng nhỏ nhất 120 m

- Xuất hiện dải cạn như sau:

+ Dải cạn từ bên trái lấn sang bên phải luồng, bắt đầu từ Phao số “56” - 220 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 700 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,1 m.

+ Dải cạn bên phải luồng, bắt đầu từ Phao số “58” kéo dài về phía thượng lưu khoảng 190 m, chiều rộng lấn luồng xa nhất khoảng 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,9 m.

+ Dải cạn chạy dọc tim luồng từ trái qua phải, bắt đầu từ Phao số “53” - 66 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 210 m, chiều rộng lấn luồng xa nhất khoảng 75 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m.

+ Dải cạn từ bên phải lấn sang bên trái luồng, bắt đầu từ Phao số “64” + 35 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 460 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,4 m (nằm sát biên phải luồng), độ sâu tim luồng đạt 9,9 m.

+ Dải cạn bên trái luồng tại khu vực Vũng quay tàu (VQ4), bắt đầu từ Phao số “68” + 72 m kéo dài về phía thượng lưu khoảng 300 m, chiều rộng lấn luồng xa nhất khoảng 90 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m.

- Ngoài những dải cạn nêu trên, xuất hiện các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7,9	10°38'44,85"N	107°0'38,39"E	10°38'41,18"N	107°0'44,81"E
8,3	10°39'33,13"N	107°0'57,53"E	10°39'29,45"N	107°1'3,96"E
9,2	10°38'54.15"N	107°0'38.51"E	10°38'50.48"N	107°0'44.93"E
9,2	10°39'5.22"N	107°0'43.75"E	10°39'1.55"N	107°0'50.17"E
9,1	10°39'45.34"N	107°0'34.81"E	10°39'41.66"N	107°0'41.24"E

- Trong phạm vi Vũng quay tàu (VQ4) được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 280 m (tại khu nước phía thượng lưu bên cảng Vedan Phước Thái), độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m.

- Ngoài các dải cạn và điểm cạn nêu trên, độ sâu đoạn luồng đạt 9,4 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tổ chức, cá nhân và tàu thuyền hoạt động trên Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ Thông báo hàng hải, Bình đồ độ sâu thực tế, đặc tính kỹ thuật của hệ thống báo hiệu hàng hải và điều kiện hàng hải khu vực để điều động tàu thuyền hành trình, quay trở an toàn.

Ghi chú:

- Thông tin chi tiết về vị trí, độ sâu điểm cạn, dải cạn tham khảo cụ thể tại các Bình đồ độ sâu (ký hiệu từ VTTV_052026_01_13 đến VTTV_052026_13_13, tỷ lệ 1:5000) do Xi nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 5/2026.

- Bản dịch tiếng Anh của Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải năm 2026 và dữ liệu độ sâu của các Bình đồ nêu trên đề nghị tham chiếu, truy cập theo đường dẫn <https://byvn.net/nhAF> hoặc mã QR đính kèm.

- Trường hợp có yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ Xi nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam (đơn vị chịu trách nhiệm về tính



chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đã cung cấp, phục vụ công bố Thông báo hàng hải) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- Ủy ban Thủy đạc Việt Nam;
- Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin ĐTHH Việt Nam;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm ATHH miền Nam;
- Các chủ tàu, doanh nghiệp cảng, đại lý hàng hải;
- Các doanh nghiệp liên quan;
- Ban giám đốc Cảng vụ Hàng hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Website Cảng vụ Hàng hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Các Phòng nghiệp vụ và Đại diện trực thuộc;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Thúc